

Bản án số: 48/2024/DS-PT.
Ngày: 24-4-2024.
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**;

Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Minh Hiếu** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2024/QĐXXPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A).

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Xuân H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện N, tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: Số B N, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: ông Trần Tấn S, sinh năm 1973.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Tấn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng N (A) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/11/2016, giữa Ngân hàng A và ông Trần Tấn S ký kết Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201602301, theo thỏa thuận của các bên thì Ngân hàng A cho ông Trần Tấn S vay số tiền là 17.050.000.000 đồng, nhằm mục đích đóng mới tàu cá và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc khai thác xa bờ theo quy định của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; thời hạn vay là 15 năm 06 tháng; thời hạn trả nợ là 14 năm 06 tháng, theo phân kỳ trả nợ hằng năm. Thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng A đã giải ngân cho ông Trần Tấn S số tiền là 17.017.997.902 đồng. Đồng thời, ông Trần Tấn S cùng với vợ là bà Huỳnh Thị T đã dùng tài sản là tàu cá số hiệu QNa-91769-TS và toàn bộ ngư lưới cụ phục vụ việc đánh bắt cá để thế chấp đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/2016/TC/HTTL ngày 29/11/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/TC/HTTL ngày 05/7/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông Trần Tấn S chỉ trả được một kỳ đầu tiên với số tiền là 898.000.000 đồng và tiền lãi là 743.560.997 đồng, ngoài ra ông S không trả nợ đúng theo thỏa thuận giữa các bên. Tính đến ngày 29/8/2023, ông Trần Tấn S nợ gốc quá hạn là 16.119.997.902 đồng; nợ lãi 1.558.574.925 đồng, tổng cộng là 17.678.572.827 đồng. Do vậy, Ngân hàng A khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Trần Tấn S và bà Huỳnh Thị T phải trả toàn bộ tiền nợ gốc và lãi vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2023) là 17.678.572.827 đồng và tiếp tục trả lãi trên nợ gốc cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp ông Trần Tấn S không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì Tòa án cho phát mãi tài sản thế chấp mà ông S, bà T đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai, các lời khai có trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Tấn S trình bày:

Vào ngày 29/11/2016, ông có vay của Ngân hàng N (A) số tiền là 17.017.997.902 đồng, nhằm mục đích đóng tàu đi biển theo Nghị định Chính phủ. Ông Trần Tấn S đã dùng số tiền này cùng với tài sản của vợ chồng đóng góp thêm 5% tổng giá trị để đóng tàu cá số QNa-91769-TS. Việc đóng tàu đã hoàn thành và vợ chồng ông dùng tàu cá cùng toàn bộ ngư lưới cụ để thế chấp đảm bảo khoản vay này của Ngân hàng A. Thực hiện hợp đồng vay, ông đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 898.000.000 đồng. Về số tiền nợ lãi vay thì ông S có thanh toán nhưng không nhớ chính xác số tiền đã trả. Trong khoảng thời gian hơn 01 năm nay việc đánh bắt thủy sản gặp khó khăn nên không thanh toán nợ theo đúng thỏa thuận. Hiện nay, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi vay với số tiền là 17.678.572.827 đồng, ông Trần Tấn S nhận thấy không có khả năng trả nợ theo yêu cầu mà đề nghị mỗi năm trả

400.000.000 đồng nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi chấm dứt nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T thống nhất theo lời trình bày của ông Trần Tấn S.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các Điều 26, 35, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 317, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A) đối với bị đơn ông Trần Tấn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T về thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Buộc ông Trần Tấn S và bà Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng N (A) số tiền tính đến ngày 29/8/2023 là 17.678.572.827 đồng. Trong đó, nợ gốc là 16.119.997.902 đồng; nợ lãi 1.558.574.925 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Tấn S và bà Huỳnh Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201602301 ngày 29/11/2016.

Trường hợp ông Trần Tấn S và bà Huỳnh Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N (A) được quyền phát mãi toàn bộ tài sản là tàu cá số hiệu QNa-91769-TS và ngư lưới cụ phục vụ việc đánh bắt thủy hải sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 03/2016/TC/HTTL ngày 29/11/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/TC/HTTL ngày 05/7/2017 đã được ký kết giữa Ngân hàng N (A) và ông Trần Tấn S, bà Huỳnh Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2023, bị đơn ông Trần Tấn S có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị mỗi năm bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Tấn S thì thấy:

[2.1] Theo sự thừa nhận của các đương sự, thể hiện: ngày 29/11/2016, giữa Ngân hàng N và ông Trần Tấn S có ký kết Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201602301; theo thỏa thuận của các bên thì Ngân hàng N cho vợ chồng ông Phan Bá T1 vay số tiền là 17.050.000.000 đồng, nhằm mục đích đóng mới tàu cá và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho việc khai thác hải sản xa bờ theo quy định của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; thời hạn vay là 15 năm 06 tháng; thời hạn trả nợ là 14 năm 06 tháng, theo phân kỳ trả nợ hằng năm. Thực hiện hợp đồng vay, Ngân hàng N đã giải ngân cho vợ chồng ông Trần Tấn S số tiền là 17.017.997.902 đồng. Vợ chồng ông Trần Tấn S chỉ trả được một kỳ đầu tiên với số tiền là 898.000.000 đồng và lãi; ngoài ra, vợ chồng ông S không trả nợ đúng theo thỏa thuận giữa các bên. Tính đến thời điểm ngày 29/8/2023, vợ chồng ông Trần Tấn S còn nợ Ngân hàng N số tiền là 17.678.572.827 đồng.

[2.2] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N với vợ chồng ông Trần Tấn S được ký kết dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên nên được pháp luật công nhận. Do vợ chồng ông Trần Tấn S vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, buộc vợ chồng ông Trần Tấn S, bà Huỳnh Thị T phải trả toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng N, với tổng số tiền 17.678.572.827 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đối với kháng cáo của bị đơn ông Trần Tấn S về việc đề nghị được trả một phần tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng N mỗi năm với số tiền từ 400.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, nhưng không được nguyên đơn chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Trần Tấn S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Tấn S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2023/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 38, 39 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N (A) đối với bị đơn ông Trần Tấn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T về thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay.

Buộc ông Trần Tấn S và bà Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng N (A) số tiền tính đến ngày 29/8/2023 là 17.678.572.827 (*Mười bảy tỷ, sáu trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi bảy*) đồng. Trong đó, nợ gốc là 16.119.997.902 (*Mười sáu tỷ, một trăm mười chín triệu, chín trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm lẻ hai*) đồng; nợ lãi 1.558.574.925 (*Một tỷ, năm trăm năm mươi tám triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm hai mươi lăm*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 4208-LAV-201602301 ngày 29/11/2016 giữa Ngân hàng N và ông Trần Tấn S1.

Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn ông Trần Tấn S1 phải chịu số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000198 ngày 13/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (*do bà Huỳnh Thị T nộp thay*).

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/4/2024).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Núi Thành;
- Chi cục THADS huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo